

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG
Năm báo cáo: 2011
ANNUAL REPORT
THANH CONG TEXTILE GARMENT INVESTMENT TRADING JC. CO.
In the year 2011

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
COMPANY HISTORY

1. Những sự kiện quan trọng

Milestone:

- Công ty Cổ phần Dệt May – Đầu tư – Thương mại - Thành Công (TCG) tiền thân là Hãng Tái Thành Kỹ nghệ Dệt được thành lập năm 1967.
The precursor of Thanh Cong Textile Garment Investment Trading JC. Co. (TCG) is Tai Thanh Textile Firm which was established in 1967.
- Tháng 08/1976 công ty được chuyển thành Xí nghiệp quốc doanh với tên gọi Nhà máy Dệt Tái Thành, sau đó lần lượt được đổi tên thành Nhà máy Dệt Thành Công, Công ty Dệt Thành Công và đến năm 2000 là Công Ty Dệt May Thành Công.
On August, 1976 it was changed into state-owned enterprise under the name Tai Thanh Textile Factory, then the name was changed into Thanh Cong Textile Factory, Thanh Cong Textile Company and Thanh Cong Textile Garment Company in 2000.
- Tháng 07/2006 công ty chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty Cổ phần Dệt May Thành Công.
On July, 2006 it was privatized under the name Thanh Cong Textile Garment Joint Stock Company.
- Tháng 10/2007, Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.
On October, 2007 Thanh Cong's share was approved to list officially on Ho Chi Minh city Stock Exchange (HOSE).
- Tháng 5/2008, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Dệt May Đầu tư Thương mại - Thành Công.
On May, 2008 Company name was changed into Thanh Cong Textile Garment Investment Trading Joint Stock Company.
- Tháng 4/2009, với khoản đầu tư hơn 30% tổng số cổ phần và việc tham gia vào Hội đồng quản trị, Ban điều hành của nhà đầu tư chiến lược E-land Asia Holdings Pte.,Ltd, Công ty đã bước sang một giai đoạn mới trong quá trình phát triển của mình.
On April 2009, with the investment amount more than 30% of total number of share and joining into Board of Directors, Management Board of Company by strategic

investor E-land Asia Holdings Pte.,Ltd, the Company changed into new phase in its development period.

- Tháng 8/2011, trong dịp Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty (16/8/1976 – 16/8/2011) Công ty đã giới thiệu logo mới với 4 màu sắc thể hiện Tầm nhìn, Sứ mệnh và Giá trị của Công ty:

On August 2011, in the 35th Anniversary of Company (Aug 16th, 1976 – Aug 16th, 2011) Company introduced new logo with 4 colours represent for Vision, Mission and Company's Value



Trong đó,

Of which:

- + Màu xanh đậm: thể hiện sự **CHÍNH TRỰC**: trung thực trong môi trường kinh doanh

*Royal blue: **INTEGRITY**: To try to be integrated in the course of the business*

- + Màu xanh lá: thể hiện cho tinh thần **PHỤC VỤ**: Khách hàng là thượng đế, Cộng đồng là gia đình

*Green: **SERVING**: We should serve our customers as a king and social minorities as a family with our sincerity & passion*

- + Màu xanh dương: thể hiện tinh thần **HỌC HỎI**: Xây dựng nơi làm việc trở thành trường học về tri thức và nhân cách

*Blue: **LEARNING**: Our working place is the learning place in terms of finding talents and cultivating knowledge and character.*

- + Màu cam: thể hiện sứ mệnh Công ty làm ra **LỢI NHUẬN**: Duy trì lợi nhuận bền vững cho nhà đầu tư, nâng cao vị thế công ty

*Orange: **PROFITABILITY**: We need to maintain the sustainable profit for all the stakeholders as well as the enhance of the company.*

- Trong hơn 40 năm hoạt động, công ty đã đạt được nhiều phần thưởng cao quý như Đơn vị Anh hùng lao động thời đổi mới (năm 2000), Huân chương lao động hạng ba (năm 1981), hạng nhì (năm 1984), hạng nhất (năm 1986); Huân chương Độc lập hạng ba (năm 1992), hạng nhì (năm 1996), hạng nhất (năm 2006); Liên tục là Doanh nghiệp sản xuất hàng Việt Nam Chất lượng cao, Doanh nghiệp tiêu biểu, Thương hiệu mạnh, các chứng chỉ ISO 9001:2001 (năm 2001), SA 8000 (năm 2002). Riêng với giải thưởng "Trách nhiệm xã hội" do chính phủ Việt Nam và Hàn Quốc trao tặng năm 2011, đây là sự khích lệ rất lớn đối với Công ty trong việc hiện thực hóa giá trị của mình.
- *For more than 40 years of operation, Company has achieved many awards such as The title of Hero of Labor in 2000, Third-class Labor Medal in 1981, second-class in 1984, first-class in 1986; Third-Class Independent Medal in 1992, second-class in 1996, first-class in 2006; "High Quality Vietnamese Product", strong Trademarks, "Best-Performing Textile & Garment Enterprises of Vietnam", the ISO certificate*

9001:2001 (2001), SA 8000 (2002). Especially for the award "Social Responsibility" granted by Vietnamese and Korean Government in 2011, this was marked as an encouragement to Company during realization its value.

2. Quá trình phát triển

Growth Path

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Business lines

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại bông, xơ, sợi, vải, hàng may mặc, giày dép và máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên phụ liệu, vật tư, hóa chất (trừ các hóa chất độc hại), thuốc nhuộm, bao bì;
Productions, business, exports, imports of cottons, fiber, threads, cloths, garments, footwear and machines, equipment, parts, auxiliary and raw materials, materials, chemicals (except poisonous chemicals), dyes, packing;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị lạnh, điều hòa không khí, máy thu thanh, thu hình, vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải; dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc, thiết bị; dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
Business, exports, imports freezing equipments, air-conditions, radios, televisions, construction materials, transport vehicles; service of installation, repair of machines and equipments; road transport services;
- Kinh doanh địa ốc, trung tâm thương mại; môi giới thương mại; Ủy thác mua bán hàng hóa; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi, máy móc thiết bị;
Business in real estate, trading center; trading agent services; business mandates services; trading and consignment agent services; rental of office, shop, warehouse, machine, equipment;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa, lập tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch;
Investment, construction, business, installation, repairment, founding estimate for civil and industrial projects, infrastructure of industrial zone, tourism zone;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet
Retail according to order request through mail or internet
- Kinh doanh biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự
Villa or apartment for short-stay services; Guest house, motels for business short-stay services; Similar others accommodation establishment
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống
Restaurant
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Business in real estate, land use right belong to ownership or rental.

- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại: thịt và các sản phẩm thịt; thủy sản; rau, quả ; đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; đồ uống; thực phẩm khác
Retail in supermarket, trade center: Meat and meat products, aquatic products, vegetables, fruits, sugar, milk and dairy products, bread, jam, candy and other products made from cereals, flour, starch, beverage, other products
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật.
The other businesses in accordance with the Laws.

2.2. Tình hình hoạt động

Company activities

a. Hệ thống Nhà Máy Sợi

Spinning Factory

- Năng lực sản xuất: 21.000 tấn/năm với tổng số 04 nhà máy.
Capacity: 21,000 tons/year with 4 factories totally.
 - + Nhà máy Sợi 1: 2.500 tấn/năm
Spinning Factory no.1: 2,500 tons/year
 - + Nhà máy Sợi 2: 6.500 tấn/năm
Spinning Factory no.2: 6,500 tons/year
 - + Nhà máy Sợi 3: 4.500 tấn/năm
Spinning Factory no.3: 4,500 tons/year
 - + Nhà máy Sợi 4: 7.500 tấn/năm
Spinning Factory no.4: 7,500 tons/year
- Sản phẩm: 100% cotton, Polyester, Visco, Sợi tổng hợp TC, CVC, TR...chi số từ Ne 20 đến Ne 60, và sợi OE.
Products: 100% cotton, Polyester, Visco, TC, CVC, TR etc with Ne 20 - 60 and OE yarn.

b. Hệ thống nhà máy Dệt

Weaving Factory

- Năng lực sản xuất : 7 triệu mét/năm
Capacity: 7 million meters/year
- Sản phẩm: Các loại vải vân điểm, chéo, sọc, carô từ sợi polyester, polyester pha, sợi micro, sợi filament, sợi xơ ngắn, sợi màu, sử dụng để may quần, áo, váy, jacket ...
Products: kinds of fabric plain, twill, striped, checked etc with materials from yarn polyester, polyester mix, micro, filament, short fiber, color fiber and used for clothes, skirt, jacket etc.

c. Hệ thống nhà máy Đan

Knitting Factory

- Năng lực sản xuất : 7.000 tấn/năm
Capacity: 7,000 tons/year

- Sản phẩm: Các loại vải và cổ, bo single jersey, piqué, interlock, rib, fleece, trơn và sọc từ sợi cotton, PE, TC, CVC, Viscose, melange, trên các máy đan 18G, 20G, 24G,
Products: knitting fabrics, collar, cuff single jersey, piqué, interlock, rib, fleece, plain and striped with materials from yarn cotton, PE, TC, CVC, Viscose, melange on knitting machine 18G, 20G, 24G.
- d. Hệ thống nhà máy Nhuộm
Dyeing Factory
 - Năng lực sản xuất : 10 triệu mét vải dệt và 8.000 tấn vải đan/năm
Capacity: 10 million meters woven fabric and 8,000 tons knitting fabric/year
 - Sản phẩm: Các loại vải dệt, vải đan, sợi đã được nhuộm và hoàn tất
Products: weaving fabrics, knitting fabrics, yarn were dyed and finished.
- e. Hệ thống nhà máy May
Sewing Factory
 - Năng lực sản xuất : 18 triệu sản phẩm/năm
Capacity: 18 million pieces/ year
 - Sản phẩm: Polo shirts, T-shirts, quần áo thể thao, quần áo lót, quần áo mặc nhà, hàng quà tặng, hàng đồng phục
Products: Polo shirts, T-shirts, sports, under wear, indoor clothes, gift, uniform etc
- f. Các dự án bất động sản
Real estate projects:
 - ❖ *Dự án TC1/ TC1 project:*
 - Mục đích: Xây dựng chung cư cao cấp kết hợp với thương mại, dịch vụ
Purpose: High rise apartment combine with commercial center, service.
 - Tiến độ: hiện đang tiến hành các thủ tục chấp nhận chủ đầu tư và xin phép xây dựng.
Status: on progress to get Approval on Investor project and submit for Construction License.
 - ❖ *Dự án TC2: TC2 project:*
 - Mục đích: Khu phức hợp
Purpose: Complex city
 - Tiến độ: Kế hoạch dài hạn
Status: Long term plan
 - ❖ *Dự án TC3/ TC3 project:*
 - Mục đích: Khu phức hợp
Purpose: Complex Area
 - Tiến độ: Đang đợi UBND Quận 4 phê duyệt các chỉ tiêu quy hoạch, dự kiến sẽ phát triển dự án vào năm 2012 -2015.
Status: Waiting for approval from District 4 of figures of the project, estimated to develop on period 2012-2015.
 - ❖ *Dự án Phan Thiết/ Phan Thiet project:*

- Mục đích/ *Purpose: Resort & Spa*
 - Tiến độ: Giai đoạn đền bù cho 03 hộ gia đình còn lại.
Status: Compensation period for 03 last households.
3. Định hướng phát triển
Development orientation
- 3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty
The major objectives of Company
- a. Lĩnh vực dệt may
Textile and Garment:
- Tối đa hóa doanh thu từ sản phẩm vải, may để bù đắp cho hoạt động kinh doanh sợi
To increase revenue from garment and fabric to recover yarn business
 - Phát triển các đơn hàng khó, chất lượng cao để tăng doanh số và lợi nhuận.
To develop more high quality & complicated orders to increase revenue and profit
 - Tập trung phát triển khách hàng thị trường Nhật, Hàn Quốc để đạt mục tiêu doanh số, lợi nhuận.
To concentrate on customer development in Japan, Korea market to gain revenue and profit.
 - Hợp tác với đối tác chiến lược để tăng năng lực, năng suất sản xuất và tạo ra sản phẩm mới có khả năng cạnh tranh cao.
Co-operate with strategic partners to increase capacity, productivity and create new product with high competition.
- b. Lĩnh vực bất động sản
Real-estate:
- Xem xét khởi động dự án TC1 khi thị trường bất động sản hồi phục, dự kiến cuối năm nay hoặc trong năm sau.
Consider to start – up TC1 project when the real-estate market recover end of this year or early of next year
 - Tập trung khai thác các dự án bất động sản nhằm tối ưu hóa quỹ đất hiện có và mang lại lợi nhuận cho cổ đông và Công ty.
Concertrate on real-state projects aiming to optimize current land fund to make profit for shareholders and Company.
- c. Đối với công tác quản lý, mục tiêu của Công ty là:
To the management mission, the objectives of company are:
- Nâng cao trình độ chuyên môn & trình độ quản lý cho toàn thể người lao động trong Công ty: từ cấp quản lý cho đến các nhân viên nghiệp vụ.
To advance specialist knowledges and management skills for all company employees: from managers to employees.
 - Tái cơ cấu tổ chức với trọng tâm là thay đổi và gia tăng tốc độ giải quyết công việc, đồng thời tiết giảm chi phí.
*Restructure organization to focus on increasing **speed**, **changing** and **cost** reduction*

- Vận dụng những kiến thức, công cụ quản trị mới nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.
To apply new knowledge, management tools to advance management efficiency.
 - Thực hiện các project để giảm chi phí sản xuất cũng như tăng năng suất lao động đối với các nhà máy.
To carry out projects to reduce manufacturing expenses as well as gain capacity for factories.
- 3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Tập trung vào các lĩnh vực
Medium and long term strategy: To focus on following fields:
- a. Dệt may
Textile and Garment:
- Sẽ mở rộng quy mô sản xuất thông qua việc đầu tư thêm máy móc thiết bị, tuyển thêm công nhân cũng như hợp tác phát triển cùng các đối tác chiến lược.
To expand scale of production through investing more machines, recruiting more employees as well as cooperate with strategic partners for development.
 - Tiếp tục phát triển khách hàng mới, thị trường mới
Continue developing new customers and market
 - Tập trung phát triển sản phẩm mới và thay đổi phương thức sản xuất từ OEM sang ODM.
Developing new products and changing from OEM to ODM
- b. Bất động sản: khai thác hiệu quả quỹ đất hiện có để xây dựng căn hộ và trung tâm thương mại
Real-estate: develop efficiently current land fund to build apartments and commercial centre.
- c. Bán lẻ
Retail:
- Đầu tư và hợp tác cùng đối tác chiến lược để phát triển thị trường thời trang bán lẻ
Retailing: invest and cooperate with strategic partner to develop fashion retailing market.
 - Xem xét phát triển nhãn hiệu thời trang E.land ở Việt Nam.
Consider launching Eland fashion brand names in Vietnam

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS.

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (theo báo cáo tài chính hợp nhất)
Key figures of business performance in the year (according to consolidated financial statements)
- Doanh thu thuần: 2.194.773.628.646 VNĐ đạt 97,55 % so với kế hoạch năm 2011.
Net revenue VND 2,194,773,628,646 was reached 97.55 % compared with the plan 2011.
 - Lợi nhuận sau thuế: 112.953.234.058 VNĐ đạt 79,15% so với kế hoạch 2011

The profit after tax VND 112,953,234,058 was reached 79.15 % compared with the plan 2011

- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ 112.078.025.937 VNĐ đạt 79,07 % so với kế hoạch 2011

Profit after tax of the parent company VND 112,078,025,937 was reached 79.07 % compared with the plan 2011

Kết quả thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết ĐHCĐ 2011

Performance of Company activities according to GSM's Resolution 2011:

(Đvt: Vnd)/(Unit: VND)

| STT No | Chỉ tiêu Item | Thực hiện năm 2011 Performance | Kế hoạch năm 2011 Plan | Thực tế so với kế hoạch Comparison |
|-----------|---|-----------------------------------|---------------------------|--|
| 1 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Net sales</i> | 2.194.773.628.646 | 2.250.000.000.000 | 97,55% |
| 4 | Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN <i>Total profit after tax</i> | 112.953.234.058 | 142.704.070.166 | 79,15% |
| 5 | Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN Công ty mẹ <i>Total profit after tax of mother company</i> | 112.078.025.937 | 141.750.000.000 | 79,07% |

Tổng nguồn vốn cuối năm đạt 2.053.343.660.274 đồng trong đó vốn chủ sở hữu là 728.168.991.067 đồng chiếm khoảng 35.46 % tổng nguồn vốn.

At the end of year, total liabilities and owner's equity was VND 2,053,343,660,274 of which the owner's equity is VND 728,168,991,067 occupied about 35.46 % of total liabilities and owner's equity.

2. Tình hình thực hiện 2011 so với thực hiện năm 2010 (tình hình tài chính và lợi nhuận so với năm trước)

Performance in the year 2011 compared with the performance in the year 2010 (financial statues and profit compared with last year)

(Đvt: Vnd)/(Unit: VND)

| STT No | Chỉ tiêu Item | Thực hiện năm 2011 Performance in 2011 | Thực hiện năm 2010 Performance in 2010 | So sánh thực tế 2011/2010 Comparison |
|-----------|---|---|---|--|
| 1 | Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Net sales</i> | 2.194.773.628.646 | 1.892.738.683.616 | 115,96% |
| 2 | Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Operating Profit</i> | 109.067.220.244 | 214.523.911.060 | 50,84% |
| 3 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 117.937.344.801 | 227.650.562.878 | 51,81% |

| | | | | |
|---|--|-----------------|-----------------|--------|
| | TNDN <i>Total profit before tax</i> | | | |
| 4 | Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN <i>Total profit after tax</i> | 112.953.234.058 | 198.462.191.374 | 56,91% |
| 5 | Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN Công ty mẹ <i>Total profit after tax of mother company</i> | 112.078.025.937 | 199.587.769.274 | 56,15% |

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2011 vượt năm trước 115,96%; tuy nhiên lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ chỉ đạt 56,15% so với năm trước, điều này cho thấy rằng trong năm chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng tăng cao do ảnh hưởng lạm phát tăng, cho nên lợi nhuận không tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng của doanh thu

In the year, Net sales have been over 115.96% compared with last year and profit after tax of the parent company has only achieved 56.15% compared with last year. It showed that in the year, material cost, fuel and power cost increased highly because of being affected by high inflation, therefore, its profit could not grow in accordance with the revenue's growth

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Major changes in year:

- Tìm kiếm khách hàng và thị trường mới
To look for new customers and new market
- Tăng tỷ lệ các đơn hàng FOB/CM để tối đa hóa lợi nhuận.
Increase the FOB/CM ratio for garment orders to maximize profit.
- Đầu tư thêm máy đan kim tại nhà máy Đan để tăng sản lượng sản xuất nội bộ, giảm sản lượng gia công bên ngoài nhằm giảm chi phí sản xuất và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm.
To invest more knitting machine at the knitting factory to gain capacity internally, reduce outwork aiming to reduce expenses and control products quality well.
- Giám sát chặt chẽ hơn hoạt động các công ty con để các công ty này tạo ra lợi nhuận.
To supervise subsidiaries's business activities more closely so all subsidiaries can make profit
- Tiếp tục đào tạo cấp quản lý và các nhân viên triển vọng để nâng cao kiến thức và kỹ năng quản lý.
Continue training managers and key staffs to improve management skills and knowledge
- Tuyển dụng các chuyên gia trong lĩnh vực sản xuất để cải tiến năng suất và chất lượng sản phẩm.
Recruiting experts for production to improve productivity and quality
- Thực hiện các thủ tục xin phép chủ trương đầu tư và giấy phép xây dựng cho dự án TC1.
Submitting procedures to get approval on investor and construction license for TC1 project

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Future prospect and plan.

- Phát triển khách hàng mới ở thị trường châu Á bên cạnh Nhật Bản như Hàn Quốc
To develop new customers at Asia market: Japan, Korea.
- Mở rộng quy mô sản xuất bằng cách đầu tư thêm máy móc thiết bị và di dời nhà máy ra ngoại thành để dễ dàng trong việc tuyển dụng lao động.
To expand scale of production by investment in equipments and machines and move to outskirts to easy for recruitment.
- Đào tạo và phát triển nhân viên
To train and develop employees.
- Hợp tác cùng một số đối tác chiến lược
To co-operate with strategic partners.
- Phát triển các dự án bất động sản
Develop real-estate projects
- Mở rộng lĩnh vực kinh doanh qua ngành thời trang bán lẻ
Expanding new business in fashion retail industry

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT**

1. Báo cáo tình hình tài chính (số liệu hợp nhất)

Financial statement (Consolidated figures)

1.1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Asset, Liabilities and owner's equity

| Chỉ tiêu <i>Item</i> | Đơn vị <i>Unit</i> | 2011 | 2010 |
|--|-----------------------|-------|-------|
| Cơ cấu tài sản- <i>Asset</i> | | | |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản <i>Long-term assets/Total assets</i> | % | 50,42 | 51,76 |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản <i>Current assets/ Total assets</i> | % | 49,58 | 48,24 |
| Cơ cấu nguồn vốn-<i>Liabilities and owner's equity</i> | | | |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn <i>Current liabilities/ Total assets</i> | % | 64,54 | 64,29 |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn <i>Owner's equity/ Total assets</i> | % | 35,46 | 35,71 |

1.2. Khả năng sinh lời/*Profitability*:

| Chỉ tiêu – <i>Item</i> | Đơn vị <i>Unit</i> | 2011 | 2010 | Tăng (giảm) <i>Increas/ (decrease)</i> |
|---|-----------------------|--------|--------|---|
| Lợi nhuận trước thuế trên doanh thu <i>Profit before tax / revenue</i> | % | 5,37% | 12,03% | -6,66% |
| Lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản <i>Profit before tax / total assets (ROA)</i> | % | 5,74% | 11,89% | -6,15% |
| Lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu <i>Profit before tax / owner's equity (ROE)</i> | % | 16,20% | 33,31% | -17,11% |

Các chỉ số sinh lợi trong năm 2011 giảm so với năm 2010 nguyên nhân do các chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng tăng bởi ảnh hưởng lạm phát tăng.

Profitability ratios decreased in 2011 comparison with 2010 its reason was that raw material cost, fuel and power cost increased highly because of being affected by high inflation

1.3. Khả năng thanh toán/*Liquidity*:

| Chỉ tiêu- <i>Item</i> | Đơn vị <i>Unit</i> | 2011 | 2010 | Tăng (giảm) <i>Increas(decrease)</i> |
|---|-----------------------|------|------|---|
| Khả năng thanh toán hiện hành <i>Current ratio</i> | Lần <i>Time</i> | 1,14 | 1,07 | 0.07 |

1.4. Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn:

Dividend distribution for shareholders:

- Theo phê duyệt tại Nghị quyết tại đại hội cổ đông 2011, Công ty thực hiện chia cổ 15% trên mệnh giá bằng tiền mặt cho các thành viên góp vốn;

Basing on the Resolution of GSM in 2011, Company implement to make payment dividend 15% per share's par value in cash for shareholders;

- Căn cứ vào kết quả kinh doanh 2011, mặc dù lợi nhuận của công ty chỉ đạt được 79,07% so với kế hoạch đề ra, nhưng công ty sẽ cố gắng thực hiện cam kết với các cổ đông về việc chia cổ tức 15% tiền mặt trên mệnh giá và thời gian chi trả sẽ được quyết định sau ĐHCĐ lần này.

Basing on business result in the year 2011, although company's profit have only achieved 79.07% compared with the target, company try to implement the commitment with the shareholders about payment dividend 15% in cash per share's par value and the time of payment will be decided after this GSM

2. Giá trị cổ phiếu/*Share's value*:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu 16.276 đồng

The book value per share is 16,276 đồng

3. Những thay đổi của cổ đông
Changings of shareholders.

Không có

None

4. Thống kê cổ phiếu/*Share statistics*

| Stt No. | Cổ phiếu/ <i>Share</i> | 2011 | 2010 |
|------------|--|------------|------------|
| 1 | Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành <i>Number of Register Issuance shares</i> | 44.737.486 | 44.737.486 |
| 2 | Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Number of shares sold in public</i> | 44.737.486 | 44.737.486 |
| | 2.1. Cổ phiếu phổ thông- <i>Common shares</i> | 44.737.486 | 44.737.486 |
| | 2.2. Cổ phiếu ưu đãi- <i>Preferential shares</i> | 0 | 0 |
| 3 | Số lượng cổ phiếu được mua lại <i>Number of repurchased shares</i> | 100.450 | 100.450 |
| | 3.1. Cổ phiếu phổ thông- <i>Common shares</i> | 100.450 | 100.450 |
| | 3.2. Cổ phiếu ưu đãi- <i>Preferential shares</i> | 0 | 0 |
| 4 | Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Number of outstanding shares</i> | 44.637.036 | 44.637.036 |
| | 4.1. Cổ phiếu phổ thông- <i>Common shares</i> | 44.637.036 | 44.637.036 |
| | 4.2. Cổ phiếu ưu đãi- <i>Preferential shares</i> | 0 | 0 |

4. Những tiến bộ công ty đã đạt được

The obtained advances.

4.1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Progress on organization structure, policy, management:

- Tinh gọn lại bộ máy tổ chức, luân chuyển cán bộ phù hợp với năng lực chuyên môn và trình độ quản lý
To reduce organization system, transfer employees in accordance with major ability and management skill.
- Cán bộ quản lý cấp trung chủ động hơn trong việc phối hợp giải quyết công việc.
Junior managers take more initiatives in works resolving cooperation.
- Ứng dụng công cụ BSC trong công tác quản lý nhằm đạt được mục tiêu đề ra.
To apply BSC tool in management mission to get achieved objective.
- Đào tạo cho cán bộ các cấp ý thức trách nhiệm trong công việc, hiểu rõ sứ mệnh của công ty.
To train managerial levels to be more responsible in work, understand the company mission.
- Hoàn thiện hệ thống đánh giá nhân viên và chính sách khen thưởng

To finalize employee evaluation system and reward policy

4.2. Các biện pháp kiểm soát

Control method

- Thành lập phòng Kiểm toán nội bộ nhằm tăng cường tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh sản xuất

To establish Internal Audit department to improve transparency in all activities

- Luân chuyển một số cán bộ quản lý nhằm kiểm tra chéo để tăng cường tính minh bạch.

To transfer some managers to check up and gain disclosed information.

5. Kế hoạch năm 2012

2012 plan.

5.1. Kế hoạch kinh doanh năm 2012

Business plan in 2012.

- Doanh thu: 2.562 tỷ đồng
Revenue: 2,562 billion dong
- Lợi nhuận sau thuế: 75,5 tỷ đồng
Profit after tax: 75.5 billion dong

5.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận

Profit distribution plan.

| STT (No) | Chỉ tiêu- Item | Giá trị - Value(VNĐ) | Tỷ lệ trích- Ratio |
|------------|---|-----------------------|--------------------|
| I | Lợi nhuận- Profit | 75,500,000,000 | |
| | Trong đó- Of which: | | |
| 1 | Cty mẹ- Mother Company | 73,500,000,000 | |
| 2 | Cty góp vốn- Subsidiaries | 2,000,000,000 | |
| II | Giảm trừ lợi nhuận Cty góp vốn- Deduction | 13,000,000,000 | |
| 1 | Ảnh hưởng dự phòng TCSC- To be effective of TCSC's provision | 7,000,000,000 | |
| 2 | Ảnh hưởng dự phòng PK Thành Công- To be effective of TC clinic's provision | 4,000,000,000 | |
| 3 | Lợi ích CĐ thiểu số - Minor shareholder 2011 | 2,000,000,000 | |
| III | Lợi nhuận phân phối- retained profit | 62,500,000,000 | 100% |
| VI | Trích lập quỹ- Fund extraction | 17,500,000,000 | 28% |
| 1 | Quỹ dự phòng tài chính- Reserved financial fund | 3,125,000,000 | 5% |
| 2 | Quỹ khen thưởng phúc lợi- Welfare and Bonus fund | 6,250,000,000 | 10% |
| 3 | Quỹ đầu tư phát triển- Investment and development fund | 5,000,000,000 | 8% |
| 4 | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ - Additional reserve fund of charter capital | 3,125,000,000 | 5% |

| | | | |
|-----------|--|----------------|------------|
| V | Cổ tức được chia-<i>Distribution of dividend</i> | 45,000,000,000 | 72% |
| VI | Tỷ lệ cổ tức dự kiến chia / vốn điều lệ-<i>estimated ratio dividend/charter capital</i> | 10% | |

Dự kiến vốn điều lệ đến 31/12/2012

447,374,860,000

Charter capital until 31/12/2012

- Hình thức chi trả cổ tức: Năm 2012, Công Ty dự kiến chia cổ tức với hình thức tiền mặt: cơ cấu, cách thức sẽ do HĐQT quyết định căn cứ vào tình hình thực tế.
Payment method: In 2012, dividend will be estimated to pay by Cash. Organization, time of payment will be decided by BoD based on the real situation.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

FINANCIAL STATEMENT

Xin xem phụ lục đính kèm (*please see the attached appendix*)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

NOTES OF FINANCIAL STATEMENT AND AUDITING REPORT

1. Kiểm toán độc lập

Independent auditing

- Đơn vị kiểm toán: PricewaterhouseCoopers (Vietnam) Ltd.
- Trụ sở: 29 Lê Duẩn, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

2. Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét về khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

In our opinion, the consolidated financial statements present fairly, in all material respects, the financial position of the Group as at 31 December 2011 and its financial performance and cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System and applicable regulations in SR Vietnam

6. Các vấn đề khác: Không có

Other issues: None

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN - *Relative companies:*

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của công ty: không
Companies that holds more than 50% contributed capital of Thanh Cong: None
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty nắm giữ: 2 công ty
Companies that Thanh Cong holds more than 50% contributed capital: 2 companies

1. Công ty cổ phần Phòng Khám Đa Khoa Thành Công

Thanh Cong General Clinic joint stock Company

- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng; Công ty đã góp vốn 8.495.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 56,63%

Charter capital: VND 15,000,000,000 of which Company has invested in the shares with the value VND 8,495,000,000 to be equivalent 56.63%

- Doanh thu thuần năm 2011-*Net sales* : 28.521.286.192 đồng
- Lợi nhuận sau thuế-*Profit after tax* : 2.030.301.675 đồng

2. Công ty cổ phần Thành Quang:

- Vốn điều lệ: 22.000.000.000 đồng; Trong đó công ty đầu tư vào cổ phiếu 21.010.800.000 đồng (2.145.000 cổ phiếu; mệnh giá 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu - tỉ lệ góp vốn 97,50%).

Charter capital: VND 22,000,000,000 of which Company has invested in the shares with the value VND 21,010,800,000 to be equivalent 97.50%

- Kết quả hoạt động của Thành Quang chưa có.

Thanh Quang company have not run business yet

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

COMPANY ORGANIZATION

1. Cơ cấu tổ chức của công ty

Company structure

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:

Company is operated as a model of joint stock company under Enterprises Law and other related laws:

- Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

General Shareholder's Meeting: includes all shareholders have voting right, is the Company highest decision-making body.

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

The Board of Directors (BoD) is the body with complete jurisdiction to execute all rights on behalf of the Company except for the ones under jurisdiction of the General Meeting of Shareholder.

- Ban Tổng giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

The Board of Management (BoM) is the body which operates daily activities of Company and take responsibility with BoD regarding implementation of rights and duties were assigned.

- Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty.

Inspection Committee (IC) is the body which supervise all business, management, operation of Company on behalf of the Shareholders.

1.1. Sơ đồ tổ chức của Công ty/ *Organization Chart*

Vui lòng xem phụ lục đính kèm

Please refer to annex enclosed

1.2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban giám đốc/ *Resume of BoMs positions*

a. Tổng giám đốc

General Director

Họ và tên

LEE EUN HONG

Full name:

Giới tính

Nam

Gender:

Male

Ngày tháng năm sinh:

26/12/1961

Date of birth

Nơi sinh:

Hàn Quốc

Place of birth

Korea

CMND/Hộ chiếu:

M80038169 - Cấp ngày 16/04/2010 - Tại Bộ Ngoại Giao Hàn Quốc

Passport

Quốc tịch:

Hàn Quốc

Nationality

Korea

Địa chỉ thường trú:

Chung cư Mỹ Phát, đường Nguyễn Hữu Cảnh, P. Tân Phong, Q.7, Tp.HCM

Permanent residence

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư điện, Cử nhân Quản lý doanh nghiệp – Đại học Yonsei

Professional skill

Quá trình công tác:

1990 đến nay: Tập đoàn E-land (Hàn Quốc)

Working experience

1990 – Present: E-land Group (Korea)

b. Phó Tổng giám đốc

Deputy General Director

Họ và tên:

KIM JUNG HEON

Full name

Giới tính:

Nam

Gender

Male

Ngày tháng năm sinh:

01/12/1966

Date of birth

Nơi sinh:

Hàn Quốc

| | |
|--|---|
| <i>Place of birth</i> | <i>Korea</i> |
| CMND/Hộ chiếu: <i>Passport</i> | 7068490 - Cấp ngày 04/11/2006 - Tại Hàn Quốc |
| Quốc tịch: <i>Nationality</i> | Hàn Quốc <i>Korea</i> |
| Địa chỉ thường trú: <i>Permanent residence</i> | Cantavil, Phường An Phú, Quận 2, Tp.HCM, VN <i>Cantavil, An Phu ward, Dist. 2, HCM city, Vietnam</i> |
| Trình độ chuyên môn: <i>Professional skill</i> | Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư kinh tế nông nghiệp – Đại học Korea |
| Quá trình công tác: <i>Working experience</i> | 1995 – 2001: Công ty E-Land World 2003 – 2009: Công ty E-Land Việt Nam |
| Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: <i>Current position in other organization</i> | Tổng giám đốc E-Land Việt Nam <i>General Director of E-land Vietnam</i> |

Ngày 31/3/2012, Công ty đã nhận được Đơn từ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc của ông Kim Jung Heon, HĐQT đang xem xét các ứng cử viên có khả năng và tổ chức họp HĐQT để bổ nhiệm các vị trí thay thế.

On Mar 31, 2012, Company has received Resignation Letter from Deputy General Director of Mr. Kim Jung Heon, BOD is going to consider potential candidate and will hold BOD's Meeting to appoint the replacement.

1.3. Trong năm 2011, Công ty không có thay đổi Tổng Giám đốc điều hành.

In the year 2011, Company didn't change the General Director position.

Do nhiệm kỳ 2009 – 2012 của Tổng giám đốc sẽ hết hạn tại ĐHCĐ năm 2012 nên ngày 23/3/2012, HĐQT đã bổ nhiệm ông Lee Eun Hong tiếp tục giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2012 – 2015. HĐQT sẽ trình ĐHCĐ phê chuẩn việc bổ nhiệm này trong cuộc họp ĐHCĐ năm 2012.

Due to the GD tenure 2009 – 2012 will be expired on 2012 GSM so in the BOD's meeting on Mar 23rd, 2012, BOD has appointed Mr. Lee Eun Hong continue to be GD in tenure 2012 – 2015. BOD will submit GSM adoption on this appointment in 2012 GSM.

1.4. Quyền lợi của Ban Giám đốc

Benefit of Board of Management:

- Mức lương

Salary level:

- o TGD/General Director: 7.560 usd/tháng/ 7,560 usd per month
 - o PTGD/Deputy General Director: 5.400 usd/tháng/ 5,400 usd per month
- Thưởng: lương tháng 13, thưởng các dịp lễ, thưởng cuối năm

Bonus: the 13th month salary, bonus on Holidays, end of the year base on performance

- Phép năm: 30 ngày/ năm.
Annual leave: 30 days/year.
 - Chế độ khác/ *Other benefit:*
 - o Công ty thanh toán chi phí vé máy bay khứ hồi từ TP.HCM -> Hàn Quốc, nghỉ phép 1 lần/ năm cho bản thân và gia đình.
The company pays the cost of air ticket from HCM city – Korea (return) 1 time/year for himself and his family
 - o Công ty thanh toán trợ cấp nghỉ việc nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tại công ty
The company pays for the severance pay half monthly salary for every working year at the company
 - o Công ty mua bảo hiểm tai nạn cho bản thân và gia đình trong thời gian làm việc tại công ty và sinh sống tại Việt Nam
The company buys Accident Insurance service for himself/herself and his/her family while he/she is working for the company and they are living in Vietnam
- 1.5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động
Number of employee and policies with employee:
- a. Số lượng CBCNV (đến cuối tháng 12/2011): 4.182 lao động.
Number of employee (up to end of December, 2011): 4,182 employees.
 - b. Các chính sách đối với người lao động
Welfare with employee:
 - Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo Luật Lao động, Luật BHXH như: ký HĐLĐ, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ Lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ BHXH, BHYT; kỷ luật lao động, chính sách đối với lao động nữ; an toàn –BHLĐ
To apply welfare for employee under the Labor Code, Law on social insurance, such as: training, labor contracts, working time and rest, Holidays, leave, overtime, night shift allowances and other social regulations, health insurance, discipline, policies for women workers, security - labor protection, ...
 - Các chế độ phúc lợi khác
Other welfare policies:
 - o Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13, thưởng thành tích cuối năm
Bonus on the holidays, the 13th month salary, performance bonus end of year
 - o Tiền ăn giữa ca
Meal allowance
 - o Bồi dưỡng hiện vật tại chỗ
Physical allowance
 - o Khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp hằng năm; khám phụ khoa
Periodical health examination, woman-checking disease and occupational diseases every year.
 - o Đồng phục và BHLĐ

Uniforms and labor protection (for worker).

- o Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, trợ cấp gửi con nhà trẻ; chế độ nghỉ mát hằng năm; chế độ công tác phí; xe đưa rước công nhân đi làm việc, trợ cấp tiền xăng ...

Other allowances: incase unexpected difficulties; benefits for female employees to send children in kindergarten; funeral allowance; Giving presents on International Children Day; Giving gifts on marriage of employee; annually vacation; take worker go to work by car, transportation allowance etc.

1.6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị

Changing member of BoD

- Tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên ngày 29/4/2011, ĐHCĐ đã bầu HĐQT nhiệm kỳ 2011 – 2016 gồm 7 thành viên. Hai thành viên HĐQT của nhiệm kỳ 2006 – 2011 không tiếp tục tham gia HĐQT do hết nhiệm kỳ: ông Đặng Triệu Hòa và ông Kim Woo Seop. Đến thời điểm lập báo cáo này, cơ cấu của HĐQT không có thay đổi so với thời điểm trúng cử. Danh sách 7 (bảy) thành viên HĐQT hiện nay gồm:

At the GSM dated Apr 29th, 2011, shareholders elected BOD tenure 2011 – 2016 include 7 members. There're 2 BOD's members (Mr. Dang Trieu Hoa and Mr. Kim Woo Seop) of tenure 2006 – 2011 which did not join in BOD continuously due to expiry tenure. Up to making this Report, there is not any change in BOD's structure compared with election time. Current 7 (seven) BOD's members are:

- + Bà Phan Thị Huệ - Chủ tịch HĐQT (thành viên độc lập)
Mrs. Phan Thi Hue – Chairwoman of the Board (non-executive)
- + Ông Kim Soung Gyu – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư chiến lược
Mr. Kim Soung Gyu – Vice Chairman cum Investment Strategy Director
- + Ông Lee Eun Hong – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Mr. Lee Eun Hong – member of the Board cum General Director
- + Ông Kim Jung Heon – Thành viên HĐQT (thành viên độc lập)
Mr. Kim Jung Heon – member of the Board (non-executive)
- + Ông Trần Như Tùng – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc chiến lược
Mr. Tran Nhu Tung – member of the Board cum Chief Strategy Officer
- + Bà Nguyễn Minh Hào – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Mrs. Nguyen Minh Hao – member of the Board cum Chief Accountant
- + Ông Vũ Đình Độ – Thành viên HĐQT (thành viên độc lập)
Mr. Vu Dinh Do – member of the Board (non-executive)

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY INFORMATION OF SHAREHOLDERS & CORPORATE GOVERNANCE.

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Board of Directors (BOD) and Inspection Committee (IC):

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát

Member and structure of BoD, IC

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Incase of BoD:

| Stt No. | HỌ TÊN Full name | CHỨC VỤ Position | Ghi chú Note |
|----------------|-----------------------------|--------------------------------------|---|
| 1 | Bà Phan Thị Huệ | Chủ tịch <i>Chairwoman</i> | Thành viên độc lập không điều hành. <i>Non-executive member.</i> |
| 2 | Ông Kim Soung Gyu | Phó Chủ tịch <i>Vice Chairman</i> | Kiểm GD Đầu tư chiến lược <i>Director of Investment Strategy Division.</i> |
| 3 | Ông Lee Eun Hong | Thành viên <i>Member</i> | Kiểm Tổng giám đốc <i>General Director</i> |
| 4 | Ông Kim Jung Heon | Thành viên <i>Member</i> | Phó Tổng giám đốc. Từ nhiệm chức vụ Phó TGD từ 31/3/2012 và trở thành Thành viên độc lập không điều hành. <i>Deputy General Director. Resigned from Deputy GD since Mar 31st, 2012 and become Non-executive member.</i> |
| 5 | Ông Trần Như Tùng | Thành viên <i>Member</i> | Kiểm Giám đốc chiến lược <i>Chief Strategy Officer</i> |
| 6 | Bà Nguyễn Minh Hào | Thành viên <i>Member</i> | Kiểm Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i> |
| 7 | Ông Vũ Đình Độ | Thành viên <i>Member</i> | Thành viên độc lập không điều hành. <i>Non-executive member.</i> |
| 8 | Ông Đặng Triệu Hòa | Thành viên <i>Member</i> | Hết nhiệm kỳ và không tiếp tục tham gia HĐQT từ tháng 4/2011 <i>To be expiry tenure and did not join in BOD since April 2011</i> |
| 9 | Ông Kim Woo Seop | Thành viên <i>Member</i> | Hết nhiệm kỳ và không tiếp tục tham gia HĐQT từ tháng 4/2011 <i>To be expiry tenure and did not join in BOD since April 2011</i> |

b. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Incase of IC

| Stt No. | HỌ TÊN Full name | CHỨC VỤ Position | Ghi chú Note |
|----------------|-----------------------------|----------------------------------|---|
| 1 | Ông Nguyễn Tự Lực | Trưởng Ban <i>Chief of IC</i> | Thành viên độc lập không điều hành <i>Non-executive member.</i> |
| 2 | Bà Đinh Thị Thu Hằng | Thành viên <i>Member</i> | Trưởng Phòng Cung ứng; Chủ tịch Công đoàn Công ty <i>Purchasing Manager; President of Trade Union.</i> |
| 3 | Ông Nguyễn Hữu Tuấn | Thành viên <i>Member</i> | Trưởng Phòng Nhân sự; Bí thư Đảng Ủy Công ty <i>HR Manager; Secretary of Communist Party.</i> |

| | | | |
|---|--------------------|-----------------------------|---|
| 4 | Bà Bùi Thị Lệ Dung | Thành viên <i>Member</i> | Hết nhiệm kỳ và không tiếp tục tham gia BKS từ tháng 4/2011 <i>To be expiry tenure and did not join in IC since April 2011</i> |
|---|--------------------|-----------------------------|---|

1.2. Hoạt động của HĐQT/*BoD's activities*

HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình tuân thủ đúng qui định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc thực hiện Nghị quyết bằng văn bản hoặc lấy ý kiến biểu quyết bằng email.

The BoD executes their function, obligation according to the laws, Company Charter and GSM's Resolution. The BoD decides issues by voting in meetings or makes Resolution by written of voting by email.

Trong năm 2011, HĐQT đã họp ít nhất 1 lần/quý và lấy ý kiến qua email trong một số trường hợp khẩn hoặc xét thấy không cần thiết phải tổ chức cuộc họp. Cụ thể các quyết định của HĐQT thông qua các Biên bản, Nghị quyết như sau:

In the year 2011, the BoD meeting was hold at least 1 time/quarter and getting opinion by email incase of urgent or unnecessary to have a meeting. Decision of BoD specific stated in following Minutes, Resolutions:

| STT No. | BIÊN BẢN Minutes no. | NGHỊ QUYẾT Resolution no. | NGÀY Date | NỘI DUNG Content | GHI CHÚ Remark |
|---------|----------------------|---------------------------|------------|---|----------------|
| 1 | 01/2011/BB-HĐQT | 01/2011/NQ-HĐQT | 14/01/2011 | Thông qua mức tạm ứng cổ tức năm 2010 là 8% <i>Approval on advance dividend payment 8%</i> | |
| 2 | | 02/2011/NQ-HĐQT | | Thông qua việc nhận chuyển nhượng 99% phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Kinh Bắc <i>Approval on acquisition 99% capital contribution of Kinh Bac company</i> | |
| 3 | | 03/2011/NQ-HĐQT | | Thông qua việc thành lập Chi nhánh Công ty cp dệt may đầu tư thương mại Thành Công tại Khu công nghiệp Xuyên Á, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An <i>Approval on establishment Company Branch at Xuyen A Industrial Park, Long An</i> | |
| | | 04/2011/NQ-HĐQT | | Thông qua việc thành lập Chi nhánh Công ty cp dệt may đầu tư thương mại Thành Công tại Gian hàng số 7 Tầng 2 – TTTM Big C Vinh số 2 Đường Quang Trung, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An <i>Approval on establishment Company Branch at Big C Vinh city, Nghe An</i> | |

| | | | | | |
|----|-----------------|-----------------|------------|--|-----------------------|
| 4 | | 05/2011/NQ-HĐQT | | Cử ông Nguyễn Văn Tuấn- Trưởng Phòng Quản lý hạ tầng làm đại diện phần vốn của Công ty cp dệt may đầu tư thương mại Thành Công tại Công ty cổ phần Thành Phúc <i>Appoint Mr. Nguyen Van Tuan is capital representative in Thanh Phuc company.</i> | |
| 5 | | 06/2011/NQ-HĐQT | | Gia hạn mức tín dụng năm 2011 <i>Renewal credit limitation in 2011</i> | |
| 6 | | 07/2011/NQ-HĐQT | | Công thức phân phối thù lao cho từng thành viên HĐQT <i>Approval on formula to distribute compensation of BOD</i> | |
| 7 | | 08/2011/NQ-HĐQT | 27/01/2011 | Tăng lương cho 4 thành viên HĐQT tham gia điều hành <i>Increase salary level for 4 Executive-BOD's members</i> | biểu quyết bằng email |
| 8 | | 09/2011/NQ-HĐQT | 15/02/2011 | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 là ngày 10 tháng 3 năm 2011 <i>Approval on closing date for 2011 GSM: Mar 10th, 2011</i> | biểu quyết bằng email |
| 9 | | 10/2011/NQ-HĐQT | 22/03/2011 | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để tạm ứng cổ tức năm 2010 là ngày 06 tháng 4 năm 2011 <i>Approval on closing date for advance dividend payment: Apr 6th, 2011</i> | biểu quyết bằng email |
| 10 | | 11/2011/NQ-HĐQT | 31/03/2011 | Thông qua việc thành lập Chi nhánh Công ty cp dệt may đầu tư thương mại Thành Công tại 419A Hai Bà Trưng, phường 8, quận 3, tp.Hồ Chí Minh <i>Approval on establishment Company Branch at 419A Hai Ba Trung Str., Dist 3., HCM city</i> | |
| 11 | 02/2011/BB-HĐQT | 12/2011/NQ-HĐQT | | Thông qua ngày tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2011 là ngày 29/4/2011; Thông qua chương trình nghị sự để trình ĐHCĐ thường niên năm 2011 <i>Approval on 2011 GSM date: Apr 29th, 2011; Approval on agenda to submit 2011 GSM</i> | |
| 12 | 03/2011/BB-HĐQT | 13/2011/NQ-HĐQT | 21/4/2011 | Danh sách ứng viên HĐQT, BKS cho nhiệm kỳ 2011 – 2016 <i>List of BOD, IC candidate of tenure 2011 – 2016</i> | |
| 13 | 04/2011/BB-HĐQT | 14/2011/NQ-HĐQT | 26/4/2011 | HĐQT đề cử bổ sung ứng viên HĐQT còn thiếu cho nhiệm kỳ 2011 – 2016 | |

| | | | | | |
|----|-----------------|-----------------|------------|---|-----------------------|
| | | | | <i>BOD nominate BOD candidate vacant in tenure 2011 – 2016</i> | |
| 14 | 05/2011/BB-HĐQT | 15/2011/NQ-HĐQT | 29/4/2011 | Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT <i>To elect Chairman, Vice Chairman</i> | |
| 16 | 06/2011/BB-HĐQT | 16/2011/NQ-HĐQT | 28/6/2011 | Thay đổi đại diện vốn tại PKĐK Thành Công- ông Nguyễn Hữu Tuấn (thay ông Nguyễn Quốc Khánh) <i>To change capital representative in Thanh Cong Clinic- Mr.Nguyen Huu Tuan replaces Mr.Nguyen Quốc Khánh</i> | |
| 17 | | 17/2011/NQ-HĐQT | | Ủy quyền ông Kim Dong Ju ký chứng từ giao dịch HSBC <i>To authorize Mr.Kim Dong Ju signs bank document with HSBC</i> | |
| 18 | | 18/2011/NQ-HĐQT | | Quy chế hoạt động HĐQT sửa đổi <i>Approval on amendment BOD's Regulation</i> | |
| | 07/2011/BB-HĐQT | | 18/10/2011 | Tăng hạn mức tín dụng đối với Ngân Hàng Vietcombank <i>Increase credit limitation of Vietcombank</i> | |
| 19 | | 19/2011/NQ-HĐQT | 18/10/2011 | Tăng hạn mức tín dụng đối với Ngân Hàng Đầu tư phát triển (BIDV) <i>Increase credit limitation of BIDV</i> | |
| 20 | | 20/2011/NQ-HĐQT | 18/10/2011 | Thông qua HĐ vay với Công ty Kexim <i>Approval on leasing contract with Kexim</i> | |
| 21 | | 21/2011/NQ-HĐQT | 18/10/2011 | Thông qua hạn mức tín dụng với NH Standard Chartered <i>Approval on credit limitation with Standard Chartered</i> | |
| 22 | | 22/2011/NQ-HĐQT | 18/10/2011 | Thông qua thủ tục giao dịch trực tuyến với NH HSBC <i>Approval on internet banking with HSBC</i> | |
| 23 | | 23/2011/NQ-HĐQT | 24/11/2011 | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thanh toán 7% cổ tức còn lại năm 2010 <i>Approval on closing date of 7% remain dividend payment in 2010</i> | biểu quyết bằng email |

1.2. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Activities of non-executive BoD's member

Thành viên HĐQT độc lập không điều hành tham gia hoạt động HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT hoặc biểu quyết các vấn đề qua email.

Non-executive BoD's member take part in BoD's activities through BoD's Meetings or send Voting opinion via email.

1.4. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Hoạt động năm 2011: Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý điều hành Công ty thông qua các cuộc họp. BKS họp định kỳ 1 lần/quý và thường xuyên trao đổi thông tin qua điện thoại, email. BKS thực hiện quyền, nhiệm vụ của mình căn cứ qui định Điều lệ Công ty, qui định pháp luật.

Activities in 2011: The IC executes the supervision of BoD, General Director in management of Company through the meetings. IC regular meetings 1 time/quarter and often exchange information via phone, email. IC to implement their rights, mission according to Company charter, the laws.

- Kế hoạch hoạt động năm 2012 của Ban Kiểm soát: Xây dựng kế hoạch chi tiết hoạt động BKS năm thứ 2 nhiệm kỳ năm 2011~2016, (từ tháng 5/2012 đến Đại hội cổ đông thường niên năm 2013), sẽ trình cho HĐQT sau ĐHCĐ thường niên 2012
- *2012 plan: making Detail Action Plan of IC in the 2nd year of tenure 2011 – 2016 (from May 2012 to 2013 GSM) and will inform BOD after 2012 GSM.*

1.5. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Plan to increase efficiency in corporate governance operation

- Tạo cơ chế liên lạc định kỳ/không định kỳ với cổ đông lớn của Công ty
To create regular/irregular communication condition with major shareholder.
- Thường xuyên cập nhật các qui định pháp luật về quản trị công ty.
To update new legislation regarding corporate governance.
- Cử nhân sự có liên quan tham gia các lớp đào tạo về quản trị công ty do UBCK, SGDCK Tp.HCM tổ chức.
To appoint related people to attend training course about corporate governance organized by SSC, HOSE.
- Định kỳ HĐQT họp ít nhất 1 lần/quý để kiểm tra tình hình hoạt động Công ty.
Regular BoD's Meeting at least once a quarter for checking the Company activities
- Xem xét, hiệu chỉnh Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo qui định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình Công ty hiện nay.
Consider, amend Company governance regulation according to current laws and in accordance with Company situation.

1.6. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành

Compensation, other benefits and expenses for each member of BoD, IC and of General Director

a. Thù lao HĐQT năm 2011 (chưa thanh toán)

BoD's compensation 2011 (not yet paid):

| STT No. | Họ tên Full name | Thù lao trước thuế Compensation before tax (VND) | Ghi chú Note |
|--------------------|-----------------------------|---|-------------------------|
| 1 | Mrs. Phan Thi Hue | 103,959,861 | |
| 2 | Mr. Lee Eun Hong | 77,969,896 | |

| | | | |
|--------------------|---------------------|--------------------|---|
| 3 | Mr. Kim Jung Heon | 103,959,861 | |
| 4 | Mr. Kim Soung Gyu | 77,969,896 | |
| 5 | Mr. Kim Woo Seop | 25,989,965 | Hết nhiệm kỳ và không tiếp tục tham gia HĐQT từ tháng 4/2011 <i>To be expiry tenure and did not join in BOD since April 2011</i> |
| 6 | Mr. Dang Trieu Hoa | 25,989,965 | Hết nhiệm kỳ và không tiếp tục tham gia HĐQT từ tháng 4/2011 <i>To be expiry tenure and did not join in BOD since April 2011</i> |
| 7 | Ms. Nguyen Minh Hao | 77,969,896 | |
| 8 | Mr. Tran Nhu Tung | 51,979,930 | |
| 9 | Mr. Vu Dinh Do | 51,979,930 | |
| Cộng/ Total | | 597,769,200 | |

b. Thù lao của Ban Kiểm soát năm 2011

IC's compensation 2011:

| Stt No. | Họ tên Full name | Thù lao Compensation amount (VND) | Ghi chú Note |
|----------------|-------------------------|--|---|
| 1 | Nguyễn Tự Lực | 43,200,000 | |
| 2 | Đinh Thị Thu Hằng | 32,400,000 | |
| 3 | Nguyễn Hữu Tuấn | 21,600,000 | Trúng cử từ tháng 4/2011 <i>To be elected since April 2011</i> |
| 4 | Bùi Thị Lệ Dung | 10,800,000 | Hết nhiệm kỳ và không tiếp tục tham gia BKS từ tháng 4/2011 <i>To be expiry tenure and did not join in IC since April 2011</i> |
| Cộng | | 108,000,000 | |

c. Tiền lương, thưởng của Tổng Giám Đốc

Salary, bonus of General Director:

| | |
|-----------------------------------|---------------------------|
| - Tiền lương năm 2011/2011 Salary | 3.351.854.790 đồng |
| - Tiền thưởng/Bonus: | 158.986.800 đồng |
| Tổng cộng/ Total: | 3.510.841.590 đồng |

1.7. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 4 người bao gồm:

Number of member of BoD, IC, BoM who have Certificate of corporate governance: 4 people including:

- 01 (một) thành viên HĐQT
01 (one) BoD's members
- 02 (hai) thành viên Ban Kiểm soát
2 (two) IC's members
- Thư ký Công ty
Company Secretary

1.8. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT

The share holding rate of BoD's members and changing

| Stt No. | Họ tên <i>Full name</i> | Số lượng cp theo danh sách ĐHCĐ 2011 <i>Number of share according to shareholder list of 2011 GSM</i> | Tỷ lệ % <i>Ratio</i> | Số lượng cp tới thời điểm ngày 5/3/2012 – chốt danh sách dự ĐHCĐ 2012 <i>Number of share up to date Mar 5, 2012 – closing date 2012 GSM</i> | Tỷ lệ % <i>Ratio</i> |
|------------|---|--|----------------------------|--|----------------------------|
| 1 | Bà Phan Thị Huệ | 21.140 | 0,05 | 21.819 | 0,05 |
| 2 | Ông Kim Soung Gyu | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Ông Lee Eun Hong, trong đó: <i>Of which:</i> | | | | |
| | Cá nhân sở hữu <i>Individual holding</i> | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Đại diện sở hữu: Công ty E.land Asia Holdings Pte.,Ltd <i>Capital representative of E.land Asia Holdings Pte.,Ltd</i> | 18.796.113 | 43,27 | 19.337.090 | 43,27 |
| 4 | Ông Kim Jung Heon, trong đó: <i>Of which:</i> | | | | |
| | Cá nhân sở hữu <i>Individual holding</i> | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Đại diện sở hữu: Công ty TNHH E.land Việt Nam <i>Capital representative of E.land Vietnam Corp.,Ltd.</i> | 500.000 | 1,15 | 515.000 | 1.15 |
| 5 | Ông Trần Như Tùng | 1.500 | 0,003 | 25 | 0 |
| 6 | Bà Nguyễn Minh Hào | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Ông Vũ Đình Độ | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Cộng/Total | 19.318.753 | 44,37 | 19.873.939 | 44,37 |

1.9. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên

Information about share trading of BoD's members, BoM, IC and their related people

| STT | Thời gian giao dịch Trading time | Người thực hiện giao dịch Person makes transaction | Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn Relationship with inside shareholder/big shareholder | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Share amount at beginning period | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Share amount at end-period | | Lý do tăng, giảm Reason of increase/decrease |
|-----|-------------------------------------|---|--|---|----------------|--|--------------------|---|
| | | | | Số cổ phiếu Number of share | Tỷ lệ Ratio | Số cổ phiếu Number of share | Tỷ lệ Ratio (%) | |
| 1 | Quý 1/2011 | Tập đoàn dệt may VN | Cổ đông lớn | 3.219.390 | 7,41 | 2.452.650 | 5,65 | Bán |
| 2 | Quý 2/2011 | Tập đoàn dệt may Việt Nam | Cổ đông lớn | 2.452.650 | 5,65 | 3.395.845 | 7,82 | Mua |
| 3 | | E-land Asia Holdings Pte.,Ltd | Cổ đông lớn | 18.573.570 | 41,52 | 19.387.119 | 43,33 | Mua |
| 4 | Quý 3/2011 | Công ty chứng khoán VNDirect | Cổ đông lớn | 2.337.913 | 5,24 | 3.133.244 | 7 | Mua |
| 5 | | Trần Như Tùng | Thành viên HĐQT | 14.025 | 0,03 | 25 | 0,00005 | Bán |

1.10. Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên

Information about contract, transaction signed with company of BoD's members, BoM, IC and their related people

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Shareholder statistics

2.1. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 05/03/2013 bao gồm:

Shareholder structure up to Mar 5, 2012:

| Stt No. | Tiêu chí Items | SL cổ phần Share amount | Tỷ lệ % Percentage |
|---------|--|----------------------------|-----------------------|
| 1 | Trong nước – Domestic | | |
| 1.1 | Cá nhân – Individual | 8.245.384 | 18,43% |
| 1.2 | Tổ chức – Organization | 14.806.562 | 33,10% |
| 2 | Nước ngoài – Foreign | | |
| 2.1 | Cá nhân – Individual | 279.397 | 0,62% |
| 2.2 | Tổ chức – Organization | 21.406.143 | 47,85% |
| 2.3 | Phân loại cổ đông nước ngoài theo quốc tịch/ Classify foreign shareholder according to nationality | | |
| a. | American Samoa | 11,542 | 0.026% |
| b. | Bristish Virgin IsI | 166,650 | 0.373% |
| c. | Belgium | 2,190 | 0.005% |
| d. | Canada | 8 | 0.000% |
| e. | Cayman IsI | 620,862 | 1.388% |
| f. | Germany | 4 | 0.000% |

| | | | |
|----|-------------|------------|---------|
| g. | Hong Kong | 38,640 | 0.086% |
| h. | Japan | 103,072 | 0.230% |
| i. | Korea | 11,976,781 | 26.77% |
| j. | Netherlands | 5,000 | 0.011% |
| k. | Singapore | 8,661,200 | 19.360% |
| l. | Taiwan | 98,355 | 0.220% |
| m. | USA | 1,236 | 0.003% |

2.2. Cổ đông Nhà nước

State shareholders

| Tên-Name | SL sở hữu theo GDKKD- <i>Under Business license</i> | | SL sở hữu theo DS chốt ngày 05/03/2012 của VSD- <i>Under closing book of VSD on 05/03/2012</i> | | Địa chỉ , Ngành nghề kinh doanh <i>Address, Business scope</i> |
|---|--|---------|--|---------|--|
| | Số lượng CP | Tỷ lệ % | Số lượng CP | Tỷ lệ % | |
| Tập đoàn dệt may Việt Nam- <i>Viet Nam textile and Garment group</i> | 6.400.000 | 14,77 | 3.395.845 | 7,59 | 39-41 Bến Chương Dương, Q.1, TP.Hồ Chí Minh; SX-KD (Đa ngành nghề) |

2.3. Cổ đông sáng lập

Founding shareholder

| Tên-Name | SL sở hữu theo GDKKD- <i>Under Business license</i> | | SL sở hữu theo DS chốt ngày 05/03/2012 của VSD- <i>Under closing book of VSD on 05/03/2012</i> | | Địa chỉ , Ngành nghề kinh doanh <i>Address, Business scope</i> |
|--|--|---------|--|---------|--|
| | Số lượng CP | Tỷ lệ % | Số lượng CP | Tỷ lệ % | |
| Tập đoàn dệt may Việt Nam- <i>Viet Nam textile and Garment group</i> | 6.400.000 | 14,77 | 3.395.845 | 7,59 | 39-41 Bến Chương Dương, Q.1, TP.Hồ Chí Minh; SX-KD (Đa ngành nghề) |
| Công ty TNHH thương mại Dịch vụ sản xuất kinh doanh nhà Phụng Hoàng - <i>Phung Hoang production service and trading limited Company</i> | 670.000 | 1,55 | 0 | 0 | 167 Trương Vĩnh Ký, P.Tân thành, Q.TP Thương Mại DV |
| Công ty TNHH thương mại sản xuất Tân Viên Đông – | 250.000 | 0,58 | 0 | 0 | 58c An Dương Vương, P.16, Q.8, |

| | | | | | |
|--|------------|--------|------------|-------|--|
| <i>Tan Vien Dong Commercial Production Limited Company</i> | | | | | TP.HCM Thương Mại DV |
| Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ- <i>Soi The Ky joint stock company</i> | 833.333 | 1,92 | 0 | 0 | Khu B1-1 KCN Tây Bắc Huyện Củ CHI SXKD Sợi |
| Công ty TNHH thương mại dịch vụ và sản xuất Tân Châu - <i>Tan Chau Commercial Service and Production Limited Company</i> | 150.000 | 0,35 | 0 | 0 | 217 Hoàng Hoa Thám, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM Thương Mại DV |
| Công ty TNHH thương mại Hùng Xương - <i>Hung Xuong trading limited Company</i> | 100.000 | 0,23 | 0 | 0 | 133/11 Đường số 8, Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân Thương Mại DV |
| Công ty TNHH Minh Hòa – <i>Minh Hoa Limited Company</i> | 2.700 | 0,001 | 3.114 | 0,01 | 79/3/5 Phan Kế Bính, P.ĐaKao, Q.1, TP.HCM Thương Mại DV |
| Các cổ đông khác- <i>Other shareholders</i> | 34.931.760 | 80,599 | 41.338.527 | 92.40 | |
| Cộng-Total | 43.337.793 | 100 | 44.737.486 | 100 | |

2.4. Cổ đông nước ngoài

Foreign shareholder :

| Tên- <i>Name</i> | Số lượng CP- <i>Volume of share</i> | Tỷ lệ % <i>(percentage)</i> | Địa chỉ , Ngành nghề kinh doanh <i>Address, Business scope</i> |
|--|--|--------------------------------|---|
| Công ty E-LAND ASIA HOLDING PTE.LTD | 19,337,090 | 43.37 | 3 Church Street #08-01, Samsung Hub, Singapore 049483 |

Tp.Hồ Chí Minh ngày tháng 4 năm 2012

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ON BEHALF OF BOD
CHỦ TỊCH/Chairwoman**

PHỤ LỤC 01 – SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

